

Số: /STNMT-QLĐĐ

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2022

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 95/NQ-HĐND và Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII tại kỳ họp thứ 11 đã ban hành Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 và Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023. Nội dung chính như sau:

### 1. Nghị quyết số 95/NQ-HĐND

Thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 gồm: 553 dự án, công trình; tổng diện tích đăng ký thu hồi đất là: 1.551,43 ha. Cụ thể trên địa bàn các huyện, thành phố như sau:

ST T	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình	Diện tích đăng ký thu hồi (ha)				
			Tổng diện tích	Diện tích chia theo loại đất			
				Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thành phố Cao Bằng	39	395,53	51,58	10,44	0,00	333,52
2	Huyện Bảo Lâm	62	68,49	0,58	21,91	-	46,00
3	Huyện Bảo Lạc	28	295,47	5,50	27,13	-	262,84
4	Huyện Trùng Khánh	46	132,18	50,99	4,72	-	76,47

5	Huyện Thạch An	112	138,28	16,30	36,46	0,36	85,16
6	Huyện Nguyên Bình	84	49,01	3,41	22,05	1,62	21,93
7	Huyện Quảng Hòa	20	114,21	23,31	17,13	-	73,78
8	Huyện Hạ Lang	26	49,75	6,54	14,94	0,00	28,26
9	Huyện Hà Quảng	83	46,64	8,62	10,34	-	27,68
10	Huyện Hoà An	55	261,85	30,06	34,24	-	197,56
<b>Tổng</b>		<b>553</b>	<b>1.551,43</b>	<b>196,87</b>	<b>199,36</b>	<b>1,98</b>	<b>1.153,21</b>

## 2. Nghị quyết số 96/NQ-HĐND

Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 như sau:

- Tổng số: 275 dự án, công trình; Trong đó:
- + Đất trồng lúa: 33,28 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 102,16 ha;
- + Đất rừng đặc dụng: 1,68 ha.

Tổng số dự án, công trình và diện tích từng huyện, thành phố như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án, công trình	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích đăng ký chuyển mục đích (ha)		
				Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng đặc dụng (RDD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thành phố Cao Bằng	5	43,34	3,48	9,00	0,00
2	Huyện Bảo Lâm	22	39,77	0,47	17,64	0,00
3	Huyện Bảo Lạc	22	35,24	1,22	7,10	0,00
4	Huyện Trùng Khánh	21	8,23	1,51	3,41	0,00
5	Huyện Thạch An	46	85,73	6,27	25,44	0,36
6	Huyện Nguyên Bình	40	28,63	1,25	11,96	1,32

7	Huyện Quảng Hòa	53	47,18	11,08	12,21	0,00
8	Huyện Hạ Lang	15	11,14	0,82	2,64	0,00
9	Huyện Hà Quảng	38	19,19	3,41	12,47	0,00
10	Huyện Hòa An	13	7,73	3,77	0,29	0,00
	<b>Tổng</b>	<b>275</b>	<b>326,19</b>	<b>33,28</b>	<b>102,16</b>	<b>1,68</b>

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thành phố Cao Bằng triển khai thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đối với các dự án, công trình đã được thông qua đảm bảo quy định của pháp luật đất đai và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, PGĐ (đ/c Phùng);
- Văn phòng đăng ký đất đai (đăng website);
- Lưu: VT, QLĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trọng Phùng**